

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-5-2021

V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.
2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/TLST-HNGĐ ngày 18/02/2021, về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXX-ST ngày 19 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huệ C, sinh năm 1997; Địa chỉ nơi cư trú: xã PTA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1995; Địa chỉ nơi cư trú: xã PTA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/01/2021 và biên bản lấy lời khai ngày 01/3/2021 thì nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huệ C trình bày: Chị và anh Trần Văn N cưới nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PTA, huyện HN, hôn nhân có tình hiểu, thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng hạnh phúc có hai con chung. sau khi cưới vợ chồng sống bên gia đình chồng đến năm 2017 thường xuyên mâu thuẫn trong gia đình, nguyên nhân do anh N nhậu nhẹt, thường xuyên ăn chơi cờ bạc, đánh bài, tài xỉu, đá gà không lo làm ăn, dẫn đến chị đã nhiều lần về nhà cha, mẹ ruột ở và đã nhiều lần hai bên gia đình nói chuyện hàn gắn ở lại, nhưng anh N cũng không sửa đổi. Đến giữa năm 2020, thì chị bỏ đi Bình Dương làm cho đến nay vợ chồng ly thân từ đó không còn sống chung. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn N. Về con chung: Vợ chồng anh chị chung sống có 02 con chung tên Trần Thị Phúc T, sinh ngày 12/12/2016; Trần Như Ng, sinh ngày 11/10/2018, nay chị đồng ý để anh N nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 10/3/2021 thì bị đơn anh Trần Văn N trình bày: Vào năm 2015, anh và chị C cưới nhau, có đăng ký kết hôn, có quen biết trước khoảng 01 năm rồi mới cưới. Sống chung đến năm 2018, hai vợ chồng cãi nhau thì chị C bỏ đi vài ngày rồi về ở lại. Đến đầu năm 2020, chị C bỏ đi 03 lần nữa do thường xuyên cãi nhau. Nguyên do cãi nhau là trong năm 2018, do anh ăn chơi, cờ bạc, đánh bài, đá gà ở gần xóm nhiều lần, đến năm 2021 anh nghỉ chơi, hiện tại bây giờ anh lo làm ăn nhưng chị C vẫn bỏ đi lần này là lần thứ 05, không ở chung nữa. Nay anh không thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị C. Về con chung hiện nay anh đang nuôi, anh không yêu cầu chị C cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huệ C được ly hôn với anh Trần Văn N; về con chung: giao 02 con chung Trần Thị Phúc T, sinh ngày 12/12/2016; Trần Như Ng, sinh ngày 11/10/2018 cho anh N được tiếp tục nuôi dưỡng và chị C không phải cấp dưỡng do anh N không có yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết, nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huệ C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Văn N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Huệ C và anh Trần Văn N là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Xét yêu cầu ly hôn của chị C thì cuộc sống vợ chồng của chị và anh N không hạnh phúc từ năm 2017 - 2018, do anh N không chăm lo cho gia đình, thường ăn chơi, cờ bạc, đánh bài, đá gà, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, điều này cũng được anh N thừa nhận. Tuy anh N cho rằng hiện nay anh đã lo làm ăn, không tham gia vào các tệ nạn nữa, nhưng mối quan hệ vợ chồng của chị C và anh N hoàn toàn không còn, nên dẫn đến việc chị C thường bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và anh chị đã không còn sống chung gần 01 năm nay, cho nên mối quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị C là có căn cứ theo quy

định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*” và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Huệ C ly hôn với anh Trần Văn N.

[4] Về việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị Huệ C và anh Trần Văn N đã thống nhất được là anh N được quyền nuôi dưỡng 02 con chung Trần Thị Phúc T, sinh ngày 12/12/2016; Trần Như Ng, sinh ngày 11/10/2018 và chị C không phải cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận này là phù hợp, nên chấp nhận cho anh N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con do anh N chưa có yêu cầu và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Huệ C và anh Trần Văn N cho rằng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc chị Nguyễn Thị Huệ C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm theo quy định..

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huệ C, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Huệ C và anh Trần Văn N.

2. Về việc nuôi con:

2.1. Anh Trần Văn N được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con chung 02 con chung Trần Thị Phúc T, sinh ngày 12/12/2016; Trần Như Ng, sinh ngày 11/10/2018.

2.2. Chị Nguyễn Thị Huệ C không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Huệ C chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012948 ngày 17/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND xã PTA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Lương Bằng